

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I – Đề số 2

Môn: Hóa học 9

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM



Mục tiêu

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ giữa học kì I của chương trình sách giáo khoa Hóa học 9.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Hóa học.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của giữa học kì I – chương trình Hóa học 9.

Câu 1: Oxit axit là:

- A. Những oxit tác dụng với dung dịch axit tạo thành muối và nước
- B. Những oxit tác dụng với dung dịch bazơ tạo thành muối và nước
- C. Những oxit không tác dụng với dung dịch bazơ và dung dịch axit
- D. Những oxit chỉ tác dụng được với muối

Câu 2: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

- A. K_2O
- B. CuO
- C. CO
- D. SO_2

Câu 3: Khử hoàn toàn 0,58 tấn quặng sắt chứa 90 % là Fe_3O_4 bằng khí hiđro. Khối lượng sắt thu được là:

- A. 0,378 tấn
- B. 0,156 tấn
- C. 0,126 tấn
- D. 0,467 tấn

Câu 4: Oxit khi tác dụng với nước tạo ra dung dịch axit sunfuric là:

- A. CO_2
- B. SO_3
- C. SO_2
- D. K_2O

Câu 5: Cặp chất tác dụng với nhau sẽ tạo ra khí lưu huỳnh đioxit là:

- A. $CaCO_3$ và HCl
- B. Na_2SO_3 và H_2SO_4
- C. $CuCl_2$ và KOH
- D. K_2CO_3 và HNO_3

Câu 6: Hòa tan hết 11,7 gam hỗn hợp gồm CaO và $CaCO_3$ vào 100 ml dung dịch HCl 3M. Khối lượng muối thu được là:

- A. 16,65 gam
- B. 15,56 gam
- C. 166,5 gam
- D. 155,6gam

Câu 7: Nhóm chất tác dụng với nước và với dung dịch HCl là:

- A. Na_2O , SO_3 , CO_2
- B. K_2O , P_2O_5 , CaO
- C. BaO , SO_3 , P_2O_5
- D. CaO , BaO , Na_2O

Câu 8: Cặp chất tác dụng với nhau tạo thành muối và nước:

- A. Magie và dung dịch axit sunfuric
- B. Magie oxit và dung dịch axit sunfuric
- C. Magie nitrat và natri hidroxit
- D. Magie clorua và natri clorua

Câu 9: Dùng quì tím để phân biệt được cặp chất nào sau đây:

- A. Dung dịch HCl và dung dịch KOH
- B. Dung dịch HCl và dung dịch H_2SO_4
- C. Dung dịch Na_2SO_4 và dung dịch $NaCl$
- D. Dung dịch $NaOH$ và dung dịch KOH

Câu 10: Dãy các chất tác dụng được với dung dịch H_2SO_4 loãng tạo thành sản phẩm có chất khí:

- A. BaO , Fe , $CaCO_3$
- B. Al , MgO , KOH

C. Na_2SO_3 , CaCO_3 , Zn D. Zn, Fe_2O_3 , Na_2SO_3

Câu 11: Cho 4,8 gam kim loại magie tác dụng vừa đủ với dung dịch axit sunfuric. Thể tích khí Hidro thu được ở đktc là:

A. 44,8 lít B. 4,48 lít C. 2,24 lít D. 22,4 lít

Câu 12: Dung dịch muối tác dụng với dung dịch axit clohidric là:

A. $\text{Zn}(\text{NO}_3)_2$ B. NaNO_3 C. AgNO_3 D. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$

Câu 13: Nhỏ từ từ dung dịch axit clohidric vào cốc đựng một mẫu đá vôi cho đến dư axit. Hiện tượng nào sau đây xảy ra?

A. Sủi bọt khí, đá vôi không tan B. Đá vôi tan dần, không sủi bọt khí
C. Không sủi bọt khí, đá vôi không tan D. Sủi bọt khí, đá vôi tan dần

Câu 14: Hàm lượng cacbon trong thép chiếm dưới:

A. 3 % B. 2 % C. 4 % D. 5 %

Câu 15: Đốt cháy 16,8gam sắt trong khí ôxi ở nhiệt độ cao thu được 16,8gam Fe_3O_4 . Hiệu suất phản ứng là:

A. 71,4 % B. 72,4 % C. 73,4 % D. 74,4 %

Câu 16: Dãy các bazơ bị nhiệt phân huỷ tạo thành oxit bazơ tương ứng và nước:

A. $\text{Cu}(\text{OH})_2$; $\text{Zn}(\text{OH})_2$; $\text{Al}(\text{OH})_3$; $\text{Mg}(\text{OH})_2$ B. $\text{Cu}(\text{OH})_2$; $\text{Zn}(\text{OH})_2$; $\text{Al}(\text{OH})_3$; NaOH
C. $\text{Fe}(\text{OH})_3$; $\text{Cu}(\text{OH})_2$; KOH ; $\text{Mg}(\text{OH})_2$ D. $\text{Fe}(\text{OH})_3$; $\text{Cu}(\text{OH})_2$; $\text{Ba}(\text{OH})_2$; $\text{Mg}(\text{OH})_2$

Câu 17: Cặp chất **không tồn tại** trong một dung dịch (chúng xảy ra phản ứng với nhau):

A. CuSO_4 và KOH B. CuSO_4 và NaCl C. MgCl_2 và $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$ D. AlCl_3 và $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$

Câu 18: Trung hoà hoàn toàn 200 ml dung dịch KOH 0,5M bằng 200 gam dung dịch HCl a %. Nồng độ phần trăm của dung dịch (a%) là:

A. 1,825 % B. 3,650 % C. 18,25 % D. 36,50 %

Câu 19: Dung dịch có độ bazơ mạnh nhất trong các dung dịch có giá trị pH sau:

A. pH = 8 B. pH = 12 C. pH = 10 D. pH = 14

Câu 20: Cặp chất đều làm đục nước vôi trong $\text{Ca}(\text{OH})_2$:

A. CO_2 , Na_2O B. CO_2 , SO_2 C. SO_2 , K_2O D. SO_2 , BaO

Câu 21: Các Cặp chất nào sau đây **không** xảy ra phản ứng?

1/ $\text{CaCl}_2 + \text{Na}_2\text{CO}_3 \longrightarrow$ 2/ $\text{CaCO}_3 + \text{NaCl} \longrightarrow$

3/ $\text{NaOH} + \text{HCl} \longrightarrow$ 4/ $\text{NaOH} + \text{KCl} \longrightarrow$

A. 1 và 2 B. 2 và 3 C. 3 và 4 D. 2 và 4

Câu 22: Cho 500 ml ddịch NaCl 2M tác dụng với 600 ml ddịch AgNO_3 2M. Khối lượng kết tủa thu được là

A. 143,5 gam B. 14,35 gam C. 157,85 gam D. 15,785 gam

Câu 23: Muối kali nitrat KNO_3 :

A. Không tan trong nước B. Tan rất ít trong nước
C. Tan nhiều trong nước D. Không bị phân huỷ ở nhiệt độ cao

Câu 24: Dãy phân bón hoá học chỉ chứa toàn phân bón hoá học đơn là:

A. KNO_3 , NH_4NO_3 , $(\text{NH}_2)_2\text{CO}$

B. KCl , $\text{NH}_4\text{H}_2\text{PO}_4$, $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$

C. $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$, KCl , $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$

D. $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$, KNO_3 , NH_4Cl

Câu 25: Phần trăm về khối lượng của nguyên tố N trong $(\text{NH}_2)_2\text{CO}$ là:

A. 32,33 %

B. 31,81 %

C. 46,67 %

D. 63,64 %

Câu 26: Sắt (III) oxit (Fe_2O_3) tác dụng được với:

A. Nước, sản phẩm là axit

B. Axit, sản phẩm là muối và nước

C. Nước, sản phẩm là bazơ

D. Bazơ, sản phẩm là muối và nước

Câu 27: Dãy oxit vừa tác dụng với axit, vừa tác dụng với kiềm là:

A. Al_2O_3 , ZnO , PbO_2 , Cr_2O_3

B. Al_2O_3 , MgO , PbO , SnO_2

C. CaO , FeO , Na_2O , Cr_2O_3

D. CuO , Al_2O_3 , K_2O , SnO_2

Câu 28: Hòa tan hết 5,6 gam CaO vào dung dịch HCl 14,6 %. Khối lượng ddịch HCl đã dùng là:

A. 50 gam

B. 40 gam

C. 60 gam

D. 73 gam

Câu 29: Cho 300 ml dung dịch HCl 1M vào 300 ml dung dịch NaOH 0,5M. Nếu cho quì tím vào dung dịch sau phản ứng thì quì tím chuyển sang:

A. Màu xanh

B. Không đổi màu

C. Màu đỏ

D. Màu vàng nhạt

Câu 30: Dung dịch A có $\text{pH} < 7$ và tạo ra kết tủa khi tác dụng với ddịch Bari nitrat $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$. Chất A là:

A. HCl

B. Na_2SO_4

C. H_2SO_4

D. $\text{Ca}(\text{OH})_2$

HƯỚNG DẪN LỜI GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY

1B	2D	3A	4B	5B	6A	7D	8B	9A	10C
11B	12C	13D	14B	15B	16A	17A	18A	19D	20B
21D	22A	23C	24C	25C	26B	27A	28A	29C	30C

Câu 1: Oxit axit là:

- A. Những oxit tác dụng với dung dịch axit tạo thành muối và nước
- B. Những oxit tác dụng với dung dịch bazơ tạo thành muối và nước
- C. Những oxit không tác dụng với dung dịch bazơ và dung dịch axit
- D. Những oxit chỉ tác dụng được với muối

Phương pháp giải

Dựa vào khái niệm của oxit axit

Lời giải chi tiết

Đáp án B

Câu 2: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

- A. K_2O
- B. CuO
- C. CO
- D. SO_2

Phương pháp giải

Chất tác dụng với dung dịch bazơ: axit hoặc oxit axit

Lời giải

Đáp án D

Câu 3: Khử hoàn toàn 0,58 tấn quặng sắt chứa 90 % là Fe_3O_4 bằng khí hidro. Khối lượng sắt thu được là:

- A. 0,378 tấn
- B. 0,156 tấn
- C. 0,126 tấn
- D. 0,467 tấn

Phương pháp giải

Dùng phương pháp bảo toàn nguyên tố để tính mol Fe

Lời giải chi tiết

$$m_{Fe_3O_4} = 0,58 \cdot 90\% = 0,522 \text{ tấn}$$

$$n_{Fe_3O_4} = 0,00225 \text{ tấn.mol}$$

$$n_{Fe} = 3 n_{Fe_3O_4} = 0,00675 \text{ mol}$$

$$m_{Fe} = 0,378g$$

Đáp án A

Câu 4: Oxit khi tác dụng với nước tạo ra dung dịch axit sunfuric là:

- A. CO_2
- B. SO_3
- C. SO_2
- D. K_2O

Phương pháp giải

SO_3 tác dụng với H_2O tạo dung dịch H_2SO_4

Lời giải chi tiết

Đáp án B

Câu 5: Cặp chất tác dụng với nhau sẽ tạo ra khí lưu huỳnh đioxit là:

- A. CaCO_3 và HCl B. Na_2SO_3 và H_2SO_4 C. CuCl_2 và KOH D. K_2CO_3 và HNO_3

Lời giải chi tiết

Đáp án B

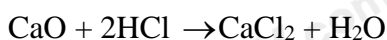
Câu 6: Hòa tan hết 11,7 gam hỗn hợp gồm CaO và CaCO_3 vào 100 ml dung dịch HCl 3M. Khối lượng muối thu được là:

- A. 16,65 gam B. 15,56 gam C. 166,5 gam D. 155,6gam

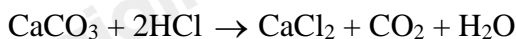
Phương pháp giải

Đặt số mol của CaO và CaCO_3 là a và b mol

Lời giải chi tiết



a 2a



b 2b

$$\begin{cases} 2a + 2b = 0,3 \\ 56a + 100b = 11,7 \end{cases} \rightarrow \begin{cases} a = 0,075 \\ b = 0,075 \end{cases} \rightarrow m_{\text{CaCl}_2} = (0,075 + 0,075) \cdot 111 = 16,65\text{g}$$

Đáp án A

Câu 7: Nhóm chất tác dụng với nước và với dung dịch HCl là:

- A. Na_2O , SO_3 , CO_2 B. K_2O , P_2O_5 , CaO C. BaO , SO_3 , P_2O_5 D. CaO , BaO , Na_2O

Phương pháp giải

Chất tác dụng với dung dịch HCl : oxit bazo, bazo, muối

Lời giải chi tiết

Đáp án D

Câu 8: Cặp chất tác dụng với nhau tạo thành muối và nước:

- A. Magie và dung dịch axit sunfuric B. Magie oxit và dung dịch axit sunfuric
C. Magie nitrat và natri hidroxit D. Magie clorua và natri clorua

Phương pháp giải

Oxit bazo hoặc bazo tác dụng với dung dịch axit tạo muối và nước

Lời giải chi tiết

Đáp án B

Câu 9 Dùng quỳ tím để phân biệt được cặp chất nào sau đây:

- A. Dung dịch HCl và dung dịch KOH B. Dung dịch HCl và dung dịch H_2SO_4
C. Dung dịch Na_2SO_4 và dung dịch NaCl D. Dung dịch NaOH và dung dịch KOH

Phương pháp giải

Dùng quỳ tím để phân biệt axit và bazo

Lời giải chi tiết

Đáp án A

Câu 10: Dãy các chất tác dụng được với dung dịch H_2SO_4 loãng tạo thành sản phẩm có chất khí:

- A. BaO, Fe, CaCO_3 B. Al, MgO, KOH
 C. Na_2SO_3 , CaCO_3 , Zn D. Zn, Fe_2O_3 , Na_2SO_3

Phương pháp giảiChất tác dụng với H_2SO_4 tạo khí: kim loại, muối có gốc axit yếu hơn gốc sunfat**Lời giải chi tiết**

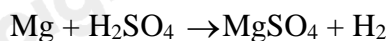
Đáp án C

Câu 11: Cho 4,8 gam kim loại magie tác dụng vừa đủ với dung dịch axit sunfuric. Thể tích khí Hidro thu được ở đktc là:

- A. 44,8 lít B. 4,48 lít C. 2,24 lít D. 22,4 lít

Lời giải chi tiết

$$n_{\text{Mg}} = 4,8 : 24 = 0,2 \text{ mol}$$



$$0,2 \qquad \qquad \qquad 0,2$$

$$V_{\text{H}_2} = 0,2 \cdot 22,4 = 4,48 \text{ lít}$$

Đáp án B

Câu 12: Dung dịch muối tác dụng với dung dịch axit clohidric là:

- A. $\text{Zn}(\text{NO}_3)_2$ B. NaNO_3 C. AgNO_3 D. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$

Phương pháp giải

Muối tác dụng với HCl: tạo kết tủa với gốc clorua hoặc gốc axit yếu hơn gốc clorua

Lời giải chi tiết

Đáp án C

Câu 13: Nhỏ từ từ dung dịch axit clohidric vào cốc đựng một mẫu đá vôi cho đến dư axit. Hiện tượng nào sau đây xảy ra?

- A. Sủi bọt khí, đá vôi không tan B. Đá vôi tan dần, không sủi bọt khí
 C. Không sủi bọt khí, đá vôi không tan D. Sủi bọt khí, đá vôi tan dần

Phương pháp giảiDung dịch HCl tác dụng với CaCO_3 **Lời giải chi tiết**

Đáp án D

Câu 14: Hàm lượng cacbon trong thép chiếm dưới:

- A. 3 % B. 2 % C. 4 % D. 5 %

Phương pháp giải

Hàm lượng cacbon trong thép chiếm 2%

Lời giải chi tiết

Đáp án B

Câu 15: Đốt cháy 16,8gam sắt trong khí ôxi ở nhiệt độ cao thu được 16,8gam Fe_3O_4 . Hiệu suất phản ứng là:

- A. 71,4 % B. 72,4 % C. 73,4 % D. 74,4 %

Phương pháp giải

Dựa vào công thức tính hiệu suất

Lời giải chi tiết

$$n_{\text{Fe}} = 16,8 : 56 = 0,3 \text{ mol}$$

$$n_{\text{Fe}_3\text{O}_4} = 16,8 : 232 = 0,072 \text{ mol}$$

$$H\% = \frac{n_{\text{Fe}}^{\text{p/u}}}{n_{\text{Fe}_{\text{bd}}}} \cdot 100\% = 72,4\%$$

Đáp án B

Câu 16: Dãy các bazơ bị nhiệt phân huỷ tạo thành oxit bazơ tương ứng và nước:

- A. $\text{Cu}(\text{OH})_2$; $\text{Zn}(\text{OH})_2$; $\text{Al}(\text{OH})_3$; $\text{Mg}(\text{OH})_2$ B. $\text{Cu}(\text{OH})_2$; $\text{Zn}(\text{OH})_2$; $\text{Al}(\text{OH})_3$; NaOH
 C. $\text{Fe}(\text{OH})_3$; $\text{Cu}(\text{OH})_2$; KOH ; $\text{Mg}(\text{OH})_2$ D. $\text{Fe}(\text{OH})_3$; $\text{Cu}(\text{OH})_2$; $\text{Ba}(\text{OH})_2$; $\text{Mg}(\text{OH})_2$

Lời giải chi tiết

Đáp án A

Câu 17: Cặp chất **không tồn tại** trong một dung dịch (chúng xảy ra phản ứng với nhau):

- A. CuSO_4 và KOH B. CuSO_4 và NaCl C. MgCl_2 và $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$ D. AlCl_3 và $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$

Phương pháp giải

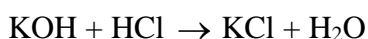
Cặp chất tác dụng với nhau tạo kết tủa hoặc khí

Lời giải chi tiết

Đáp án A

Câu 18: Trung hoà hoàn toàn 200 ml dung dịch KOH 0,5M bằng 200 gam dung dịch HCl a %. Nồng độ phần trăm của dung dịch (a%) là:

- A. 1,825 % B. 3,650 % C. 18,25 % D. 36,50 %

Phương pháp giảiDựa vào số mol của KOH **Lời giải chi tiết**

$$0,1 \quad 0,1$$

$$C\% = \frac{m_{\text{HCl}}}{m_{\text{dd}}} \cdot 100\% = \frac{0,1 \cdot 36,5}{200} \cdot 100\% = 1,825\%$$

Đáp án A

Câu 19: Dung dịch có độ bazơ mạnh nhất trong các dung dịch có giá trị pH sau:

- A. pH = 8 B. pH = 12 C. pH = 10 D. pH = 14

Phương pháp giải

Giá trị pH càng cao thì dung dịch bazo càng mạnh

Lời giải chi tiết

Đáp án D

Câu 20: Cặp chất đều làm đục nước vôi trong $\text{Ca}(\text{OH})_2$:

- A. CO_2 , Na_2O B. CO_2 , SO_2 C. SO_2 , K_2O D. SO_2 , BaO

Phương pháp giải

CO_2 , SO_2 làm đục nước vôi trong $\text{Ca}(\text{OH})_2$

Lời giải chi tiết

Đáp án B

Câu 21: Các Cặp chất nào sau đây **không** xảy ra phản ứng?



- A. 1 và 2 B. 2 và 3 C. 3 và 4 D. 2 và 4

Phương pháp giải

Chất không phản ứng với nhau khi không tạo ra kết tủa hoặc bay hơi

Lời giải chi tiết

Đáp án D

Câu 22: Cho 500 ml ddịch NaCl 2M tác dụng với 600 ml ddịch AgNO_3 2M. Khối lượng kết tủa thu được là

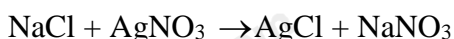
- A. 143,5 gam B. 14,35 gam C. 157,85 gam D. 15,785 gam

Phương pháp giải

Xét chất hết chất dư để tính được số mol AgCl

Lời giải chi tiết

$$n_{\text{NaCl}} = 0,5 \cdot 2 = 1 \text{ mol}; n_{\text{AgNO}_3} = 0,6 \cdot 2 = 1,2 \text{ mol}$$



$$1 \quad 1,2 \quad 1$$

$$m_{\text{AgCl}} = 1 \cdot 143,5 = 143,5 \text{ g}$$

Đáp án A

Câu 23: Muối kali nitrat KNO_3 :

- A. Không tan trong nước B. Tan rất ít trong nước
C. Tan nhiều trong nước D. Không bị phân huỷ ở nhiệt độ cao

Phương pháp giải

Dựa vào tính chất vật lí của KNO_3

Lời giải chi tiết

Đáp án C

Câu 24: Dãy phân bón hoá học chỉ chứa toàn phân bón hoá học đơn là:

A. $\text{KNO}_3, \text{NH}_4\text{NO}_3, (\text{NH}_2)_2\text{CO}$ B. $\text{KCl}, \text{NH}_4\text{H}_2\text{PO}_4, \text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$ C. $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4, \text{KCl}, \text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$ D. $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4, \text{KNO}_3, \text{NH}_4\text{Cl}$ **Phương pháp giải**

Phân bón đơn chứa 1 nguyên tố dinh dưỡng là phân bón đơn

Lời giải chi tiết

Đáp án C

Câu 25: Phần trăm về khối lượng của nguyên tố N trong $(\text{NH}_2)_2\text{CO}$ là:

A. 32,33 %

B. 31,81 %

C. 46,67 %

D. 63,64 %

Phương pháp giải

Dựa vào công thức tính khối lượng nguyên tố trong hợp chất

Lời giải chi tiết

$$\%_{\text{N}} = \frac{2 \cdot 14}{60} \cdot 100\% = 46,67\%$$

Đáp án C

Câu 26: Sắt (III) oxit (Fe_2O_3) tác dụng được với:

A. Nước, sản phẩm là axit

B. Axit, sản phẩm là muối và nước

C. Nước, sản phẩm là bazơ

D. Bazơ, sản phẩm là muối và nước

Phương pháp giải Fe_2O_3 là oxit bazo không tan trong nước, tác dụng được với dung dịch axit**Lời giải chi tiết**

Đáp án B

Câu 27: Dãy oxit vừa tác dụng với axit, vừa tác dụng với kiềm là:A. $\text{Al}_2\text{O}_3, \text{ZnO}, \text{PbO}_2, \text{Cr}_2\text{O}_3$ B. $\text{Al}_2\text{O}_3, \text{MgO}, \text{PbO}, \text{SnO}_2$ C. $\text{CaO}, \text{FeO}, \text{Na}_2\text{O}, \text{Cr}_2\text{O}_3$ D. $\text{CuO}, \text{Al}_2\text{O}_3, \text{K}_2\text{O}, \text{SnO}_2$ **Phương pháp giải**

Các oxit vừa tác dụng với axit vừa tác dụng với kiềm là oxit lưỡng tính

Lời giải chi tiết

Đáp án A

Câu 28: Hòa tan hết 5,6 gam CaO vào dung dịch HCl 14,6 %. Khối lượng ddịch HCl đã dùng là:

A. 50 gam

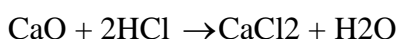
B. 40 gam

C. 60 gam

D. 73 gam

Phương pháp giảiDựa vào phản ứng của CaO tác dụng với HCl **Lời giải chi tiết**

$$n_{\text{CaO}} = 5,6 : 56 = 0,1 \text{ mol}$$



0,1 0,2

m dung dịch HCl = 0,2. 36,5 : 14,6% = 50g

Đáp án A

Câu 29: Cho 300 ml dung dịch HCl 1M vào 300 ml dung dịch NaOH 0,5M. Nếu cho quỳ tím vào dung dịch sau phản ứng thì quỳ tím chuyển sang:

A. Màu xanh B. Không đổi màu C. Màu đỏ D. Màu vàng nhạt

Phương pháp giải

Tính số mol của HCl và NaOH, sau đó xét chất hết chất dư

Lời giải chi tiết

$n_{\text{HCl}} = 0,3 \text{ mol}; n_{\text{NaOH}} = 0,15 \text{ mol}$

$\text{NaOH} + \text{HCl} \rightarrow \text{NaCl} + \text{H}_2\text{O}$

0,15 0,3

Dung dịch HCl còn dư sau phản ứng, dung dịch đổi màu đỏ khi nhúng giấy quỳ tím

Đáp án C

Câu 30: Dung dịch A có pH < 7 và tạo ra kết tủa khi tác dụng với ddịch Bari nitrat Ba(NO₃)₂. Chất A là:

A. HCl B. Na₂SO₄ C. H₂SO₄ D. Ca(OH)₂

Phương pháp giải

Dung dịch có pH < 7 là dung dịch axit và tạo kết tủa với Ba(NO₃)₂ là H₂SO₄

Lời giải chi tiết

Đáp án C

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com